TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62/2025/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 03 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1974

ĐKTT: Đường L, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường H, phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1970

ĐKTT: Đường L, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 1.4 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/3/1998 thì ông Lê Thanh T1 và bà Trần Thị T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T1 và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1998. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, dù cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ, ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người một cuộc sống. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân

không đạt được nên ông bà cùng đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T1 và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Phương D, sinh ngày 28/12/1998 và Lê Thị Phương N1, sinh ngày 22/11/2006. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Lê Thanh T1 và bà Trần Thị T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T1 và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Phương D, sinh ngày 28/12/1998 và Lê Thị Phương N1, sinh ngày 22/11/2006. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Lê Thanh T1 và bà Trần Thị T nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu số 0003117 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- UBND xã C, huyện N, tỉnh Bình Phước.
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Ngọc Tâm